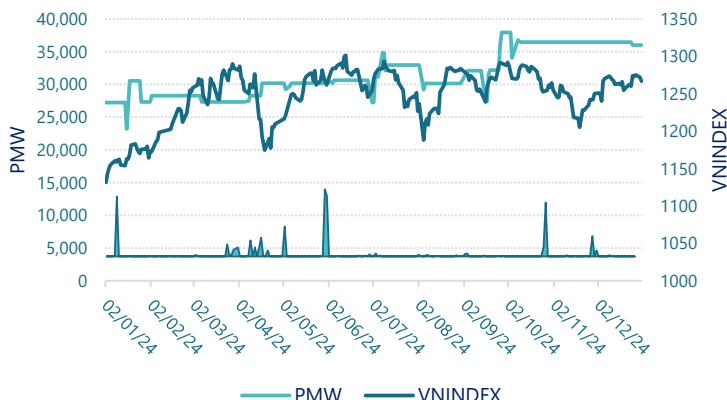




CTCP Cấp nước Phú Mỹ (UPCOM: PMW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	36,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,946
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,199
SL cổ phiếu LH	49,999,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,010
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,800
P/E	18.2
EPS	1,976

DT thuần

Q4/24

87.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.40 | 0.5%

YoY: ▲ 0.60 | 0.7%

LN sau thuế

Q4/24

14.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.8 | -55.6%

YoY: ▼13.1 | -48.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

29.9%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

2024

364

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0 | 6.5%

LN sau thuế

2024

98.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.80 | 1.9%

ROE

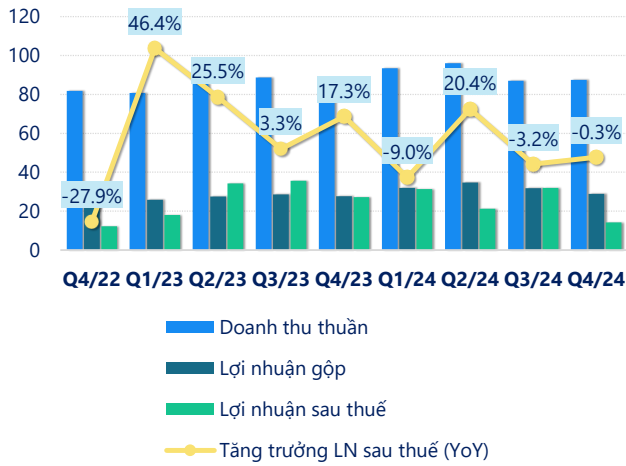
2024

16.4%

+/- YoY: ▼ 0.3%

tỷ VNĐ

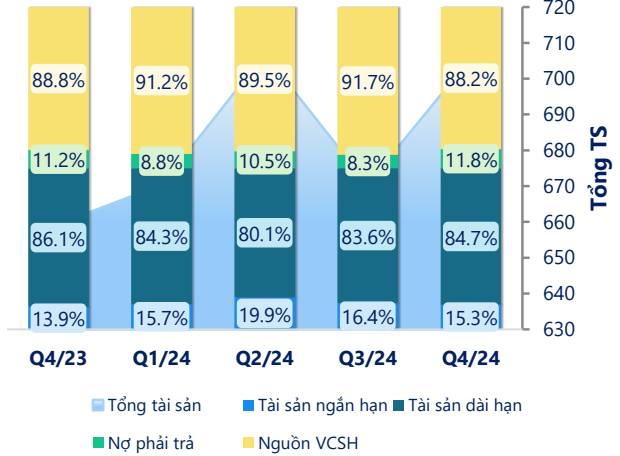
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

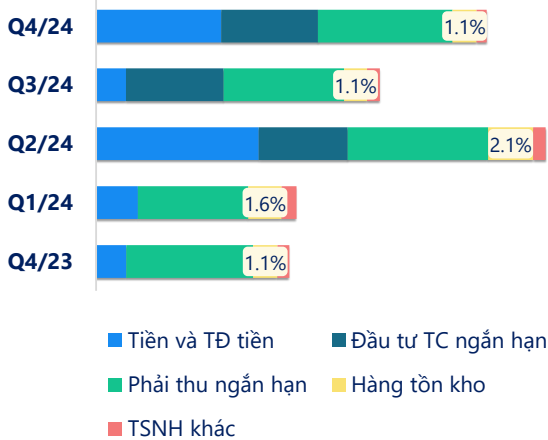
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



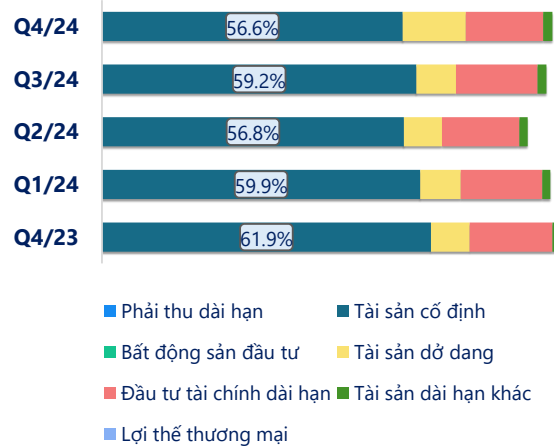
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

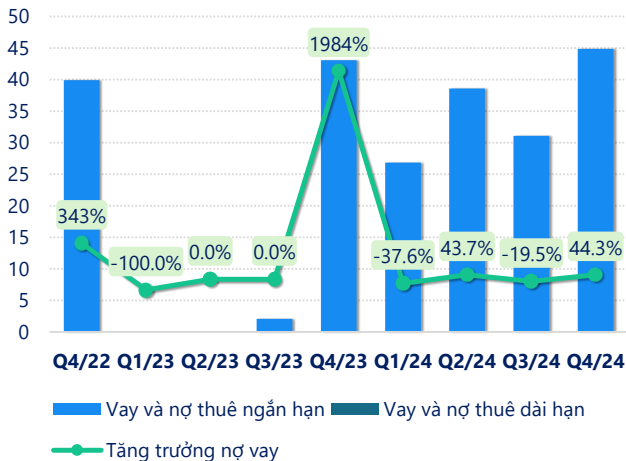
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

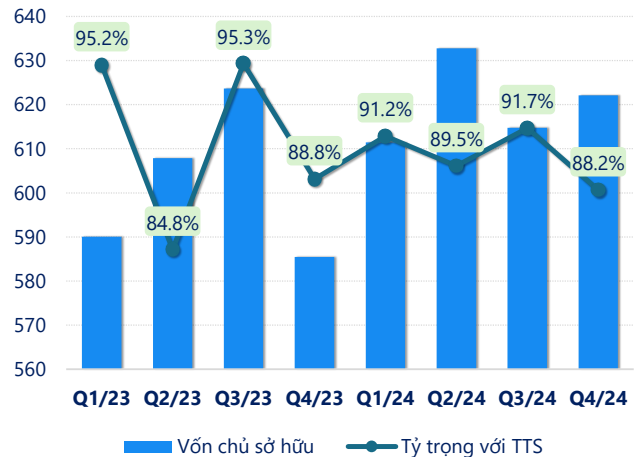
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

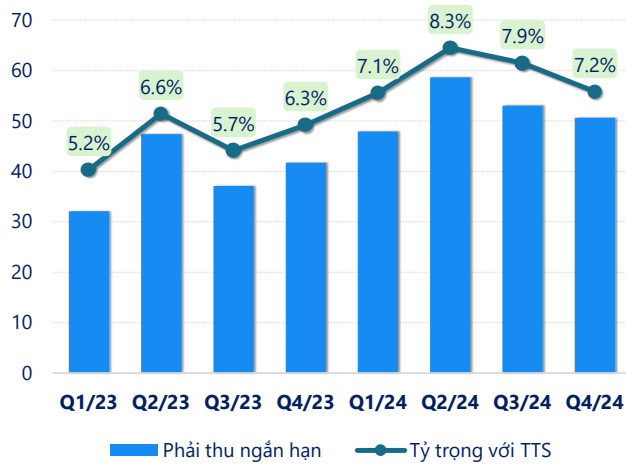
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



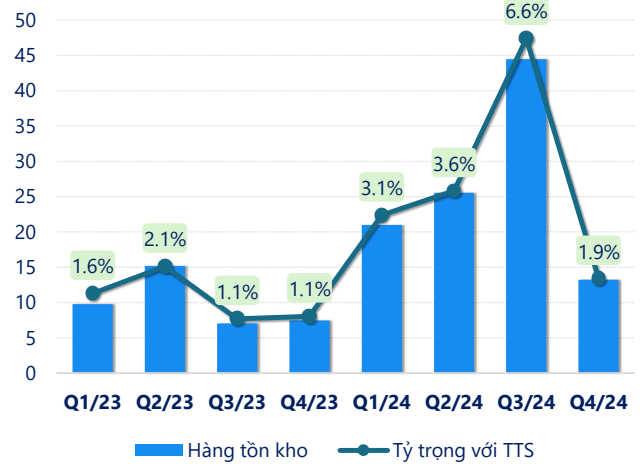
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


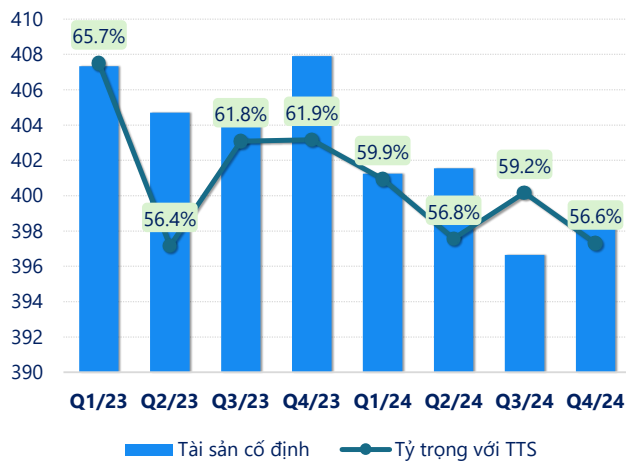
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


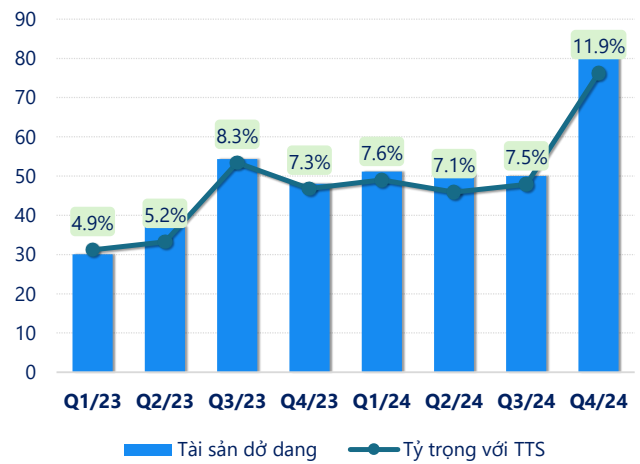
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

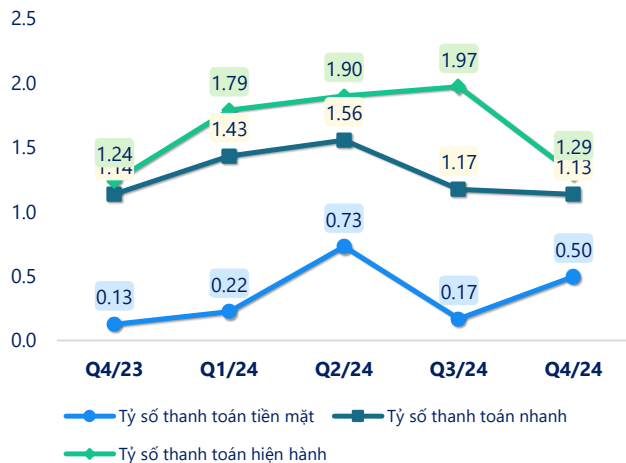
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

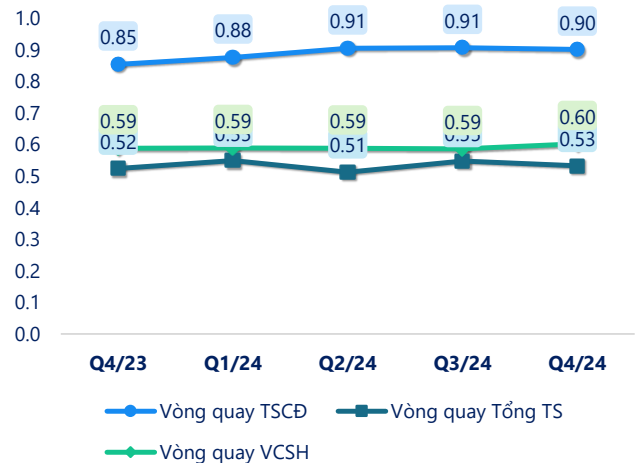
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	659	670	707	671	706
Tài sản ngắn hạn	91.6	105	141	110	108
Tiền và tương đương tiền	9.33	13.2	54.0	9.42	41.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.0	20.0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	41.7	47.9	58.6	53.0	50.6
Hàng tồn kho	7.44	21.0	25.5	44.5	13.2
Tài sản ngắn hạn khác	3.10	3.24	2.56	3.03	2.69
Tài sản dài hạn	568	565	566	561	598
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	408	401	402	397	399
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	48.0	51.2	50.5	50.0	83.7
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	103	103	103
Tài sản dài hạn khác	9.34	10.1	11.5	11.4	12.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	74.0	58.9	74.1	55.8	83.6
Nợ ngắn hạn	74.0	58.9	74.1	55.8	83.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.1	26.9	38.6	31.1	44.8
Phải trả người bán ngắn hạn	15.9	18.8	22.0	14.1	17.3
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	585	611	633	615	622
Vốn chủ sở hữu	585	611	633	615	622
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)